

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 4 - 2023

V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Bảo Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Bích H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 6, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 6, khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ bà Ngô Thị Bích H trình bày:* Bà và ông Đ tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống do không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm. Bà đã nhiều lần cố gắng gìn giữ hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn không thể hòa giải. Bà xác định cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không tốt cho cả hai. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung Nguyễn Ngô Ngọc T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Ngô Bảo Q, sinh ngày 02/3/2008. Bà H yêu cầu được nuôi cháu Q, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về việc tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi đối với các ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn nên không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

3. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vụ án là không chấp hành các quy định của tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết nên hiện không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Đ.

+ Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung Nguyễn Ngô Ngọc T sinh năm 2003 đã trên 18 tuổi bà H không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Ngô Bảo Q, sinh ngày 02/3/2008. Bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Q có nguyện vọng được ở với bà H sau khi ly hôn phù hợp với hoàn cảnh thực tế cháu đang sinh sống cùng với bà H nên chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Ngô Thị Bích H và ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng

với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp. Bà H cho rằng thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm. Bà đã nhiều lần cố gắng gìn giữ hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải. Bà xác định cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng, hiện không còn chung sống và không quan tâm chăm sóc nhau nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Đối với ông Đ không có ý kiến, yêu cầu gì đối với ý kiến, yêu cầu của bà H. Như vậy lời khai của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung Nguyễn Ngô Ngọc T, sinh năm 2003 đã trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Ngô Bảo Q, sinh ngày 02/3/2008. Bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Q hiện đang sinh sống ổn định với bà H và cháu có nguyện vọng được ở với bà H sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bích H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Bích H và ông Nguyễn Minh Đ có 02 con chung Nguyễn Ngô Ngọc T, sinh năm 2003 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Ngô Bảo Q, sinh ngày 02/3/2008, giao cho Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí: Bà Ngô Thị Bích H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004775 ngày 04/10/2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND xã T,
H. H, tỉnh Kiên Giang.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Thức